TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HÒA THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 73/2020/DS-ST Ngày: 24/11/2020 V/v "Tranh chấp Hợp đồng mua bán"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Ánh Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Xuân Phong.
2. Bà Võ Thị Son.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thảo Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quốc Việt – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 190/2020/TLST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2020 về việc "*Tranh chấp Hợp đồng mua bán*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2020/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 52/2020/QĐST-DS, ngày 06 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Anh Trần Nhật Q, sinh năm 1982

Địa chỉ đăng ký HKTT và nơi cư trú hiện nay: Số 03, Quốc lộ 22B, ấp Cẩm Th, xã Cẩm G, huyện Gò D, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của anh Quang: Chị Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1986. Trú tại: Số nhà 1/40, đường Trần Bình Tr, Phường 5, Quận Bình Th, Thành Phố Hồ Chí Minh (Theo giấy ủy quyền ngày 17/9/2020) (Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh T**,** sinh năm 1984;

Bà Nguyễn Thị Ngh, sinh năm 1952

Cùng Trú tại: Số 3/45, ấp Bến K, xã Long Thành N, thị xã Hòa Th, tỉnh Tây Ninh. (Bà Ngh, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/7/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Trần Nhật Q, người đại diện theo ủy quyền của anh Q, chị H trình bày:***

Anh Q có kinh doanh cửa hàng mua bán phụ tùng, anh T thường đến cửa hàng mua phụ tùng. Anh T có máy tuốt lúa, nhà anh T đi tuốt lúa thuê cho chủ ruộng. Anh và anh T chỉ quen nhau là khách hàng, ngoài ra không có quan hệ gì khác.

Anh T bắt đầu mua phụ tùng của anh từ nhiều năm nay, khoảng hơn 10 năm, hình thức mua bán hàng là khi anh T cần hàng thì gọi cho anh và anh cho người giao cho anh T, có khi anh T trả tiền có khi anh Tnợ, hàng anh T mua anh Q ghi vào sổ để nhớ, anh T không có ký nhận hàng cũng không ký xác nhận tiền nợ cho anh. Anh T và bà Ngh không có ký nhận giao nhận hàng và không có ký tên xác nhận nợ cho anh Q.

Cách đây khoảng 8 năm, anh T điện thoại kêu anh bán hàng cho anh Ch, tổng hàng ông Ch mua là phụ tùng máy, ông Ch mua hàng và yêu cầu anh giao đến huyện Tân Ch, tỉnh Tây Ninh. Tổng tiền anh Ch nợ hơn 4.000.000 đồng nhưng anh T chỉ lãnh dùm ông Chót 2.950.000 đồng. Anh T mua hàng còn nợ tổng tiền là 23.311.000 đồng, tổng cộng 26.261.000 đồng.

Ngày 14/01/2019, anh Q có nhắn tin đòi nợ anh T, chốt nợ là 26.261.000 đồng và hai đoạn ghi âm việc anh đòi tiền anh T, anh T vẫn hứa gom tiền trả cho anh.

Anh nhiều lần đến nhà, gọi điện cho anh T yêu cầu anh trả tiền nhưng anh T và bà N là mẹ ruột của anh T chỉ hứa trả chứ không trả cho anh.

Tổng cộng nay anh yêu cầu anh T, bà N phải trả cho anh số tiền còn nợ tổng cộng 26.261.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi.

**** Bị đơn anh Nguyễn Thanh T trình bày:***

Anh T và anh Q là bạn bè quen biết do có mua bán hàng hóa với nhau. Anh Q bán phụ tùng ô tô, máy gạch đập liên hợp, anh trước đây có mua phụ tùng như bạc đạn, máy xích...những lần anh mua đều trả tiền đầy đủ, chưa có lần nào mua thiếu tiền của anh Q.

Anh có quen anh Bùi Tiện T (tên thường gọi là: C), sinh năm 1974; trú tại khu phố Đ, phường B, Thị xã Hòa Thành, Tây Ninh. Anh và anh C có máy suốt lúa đi làm thuê cho các chủ ruộng, anh và anh C thường hỗ trợ chạy máy dùm cho nhau. Cách đây khoảng 5-6 năm, anh C có cần mua phụ tùng máy nên có hỏi chỗ mua và anh có giới thiệu cho anh C mua đồ tại cửa hàng của anh Q, việc các bên mua bán cụ thể như thế nào anh không biết.

Qua trao đổi với anh C, anh được biết anh C có nợ anh Q tiền mua thùng nhớt và dây thước khoảng hơn 2.000.000 đồng, cụ thể anh không biết.

Từ trước thời điểm anh Q khởi kiện đến nay anh luôn muốn gặp anh Q để thống nhất các khoản tiền nợ cụ thể nhưng anh Q không nghe máy, không đến tòa hòa giải cùng anh. Anh xác nhận tin nhắn của anh Q là nhắn vào số điện thoại anh đang sử dụng, các đoạn ghi âm anh Q cung cấp đúng là giọng nói của anh nhưng nội dung tin nhắn, cuộc gọi là anh hứa với anh Q để kêu anh C trả cho anh Q.

Nay do anh không có chứng cứ chứng minh việc anh không còn nợ tiền anh Q, không thể hiện rõ trong tin nhắn anh không còn nợ khi anh Q nhắn tin, việc anh C nợ anh Q anh không có ký nhận nợ thay nhưng vì anh không thể hiện rõ trong việc anh Q đòi nợ anh C, nên nay anh đồng ý trả cho anh Q tiền nợ 26.261.000 đồng theo yêu cầu khởi kiện của anh Q.

Trường hợp của anh C, anh sẽ thỏa thuận sau với anh C, không yêu cầu tòa án giải quyết, khi nào anh có tranh chấp với anh C anh sẽ khởi kiện ở vụ án khác.

Riêng bà N là mẹ của anh không có mua hàng của anh Q nên anh không yêu cầu bà N cùng anh trả tiền cho anh Q. Bà N đã lớn tuổi không làm việc nên kinh tế trong gia đình do anh làm, cụ thể như ngày 05/5/2014 anh ký Hợp đồng mua bán

với Công ty TNHH TM & DV P mua máy gặt đập liên hợp với giá 530.000.000 đồng. Anh T chứng minh mọi việc liên quan kinh tế gia đình do chính anh chịu trách nhiệm, bà N không trực tiếp giao dịch kinh doanh làm kinh tế gia đình nên không có trách nhiệm với khoản nợ của anh Q.

Nay anh không đồng ý việc anh Q khởi kiện yêu cầu bà N trả tiền. Anh T đồng ý trả cho anh Q tiền nợ theo yêu cầu của anh Q là 26.261.000 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị N thống nhất lời trình bày của anh T theo bản tự khai ngày 24/8/2020: Bà là mẹ của anh T, bà không có mua hàng, không có nợ tiền của anh Q, bà không đồng ý trả nợ cho anh Q theo yêu cầu khởi kiện của anh Q. Bà thống nhất ý kiến của anh T, không trình bày gì thêm.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thị xã Hòa Thành phát biểu ý kiến:***

Về thủ tục tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 430, 440 Bộ luật dân sự và Nghị quyết 326 của UBNTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án nhân dân đề xuất: chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Trần Nhật Q. Buộc anh Nguyễn Thanh T phải trả cho Trần Nhật Q số tiền còn nợ là 26.261.000 đồng, ghi nhận anh Q không yêu cầu tính lãi suất. Đương sự phải chịu án phí sơ thẩm dân sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt HĐXX xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Anh Q có kinh doanh cửa hàng mua bán phụ tùng, anh T là khách hàng của anh Q.

Thời gian cách đây khoảng 10 năm, anh T có mua hàng của anh Q nhiều lần, trong quá trình mua bán do quen biết uy tín nên không có ký giao nhận hàng, hai bên không có xác nhận tiền nợ cụ thể, chủ yếu do anh Quang tự ghi vào sổ để nhớ nhưng nay thời gian lâu sổ sách anh không còn giữ, anh chỉ còn tin nhắn đòi anh T trả tiền vào ngày 14/01/2019, anh Q có nhắn tin đòi nợ anh T, chốt nợ là 26.261.000 đồng, (trong đó anh T nợ là 23.311.000 đồng, lãnh nợ thay anh C là 2.950.000 đồng) và hai đoạn ghi âm việc anh đòi tiền anh T, anh T vẫn hứa gom tiền trả cho anh. Trong quá trình làm việc anh T trình bày đã không còn nợ tiền của anh Q và tiền nợ của anh C anh không có ký lãnh nợ chỉ hứa kêu anh C trả tiền cho anh Q, nhưng nay do anh T không thể hiện rõ ý chí cho anh Q biết, nên anh đồng ý trả tiền cho anh Q theo yêu cầu của anh Q, không yêu cầu tòa án giải quyết làm rõ việc anh C nợ tiền anh Q. Hội đồng xét xử ghi nhận anh T đồng ý trả tiền cho anh Q là 26.261.000 đồng, anh Q không yêu cầu tính tiền lãi.

[2.2] Đối với việc anh Q yêu cầu bà N trả nợ vì khi anh đến nhà tìm anh T đòi tiền gặp bà N, bà có hứa sẽ trả cho anh, nhưng anh Q không có chứng cứ chứng minh bà N có trực tiếp mua hàng và có ký tên nhận hàng, bà N cũng không ký nhận nợ cho anh Q nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Q đối với bà N.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Q đối với anh T. Anh T phải trả cho anh Q tổng tiền còn nợ là 26.261.000 (Hai mươi sáu triệu, hai trăm sáu mươi mốt ngàn) đồng.

[3] Về án phí: Anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Anh Q không phải chịu án phí.

[4] Các đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật và phù hợp với những nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Trần Nhật Q đối với anh Nguyễn Thanh T.

Buộc anh Nguyễn Thanh T có nghĩa vụ trả cho anh Trần Nhật Q số tiền là 26.261.000 (Hai mươi sáu triệu, hai trăm sáu mươi mốt ngàn) đồng, ghi nhận anh Q không yêu cầu tính tiền lãi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn trả cho anh Trần Nhật Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 656.500 đồng theo biên lai thu số 0009011, ngày 22/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Anh Nguyễn Thanh T phải chịu 1.313.000 (Một triệu, ba trăm mười ba ngàn) đồng.

Án dân sự sơ thẩm xử công khai, báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Dương Thị Ánh Nhung

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND TX Hòa Thành;
- Chi cục THADS TX Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.